

Số: 63/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2019

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí bảo đảm hàng hải
và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm
an toàn hàng hải**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí bảo đảm hàng hải và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí bảo đảm hàng hải và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cục Hàng hải Việt Nam.
2. Các Cảng vụ hàng hải.
3. Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam (sau đây gọi tắt là các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải) và các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải khác.
4. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý vận hành luồng hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.
5. Các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước có liên quan đến hoạt động bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 3. Dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

Dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo quy định tại Thông tư này bao gồm:

1. Vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập.
2. Vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng và kè bảo vệ bờ luồng hàng hải).
3. Khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu).
4. Sửa chữa, cải tạo tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng và kè bảo vệ bờ luồng hàng hải công cộng được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải quản lý.
5. Nạo vét duy tu luồng hàng hải để đảm bảo chuẩn tắc thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không bao gồm công tác nạo vét đầu tư xây dựng mới luồng hàng hải).
6. Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 4. Phương thức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

1. Phương thức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải quy định tại khoản 1, 2, 3 và 6 Điều 3 Thông tư này được thực hiện theo phương thức đặt hàng.
2. Phương thức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này được thực hiện theo phương thức đấu thầu.

3. Phương thức, trình tự, thủ tục cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Điều 5. Nguồn thu phí bảo đảm hàng hải

Phí bảo đảm hàng hải thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước bao gồm:

1. Phí bảo đảm hàng hải thu được từ các luồng hàng hải công cộng do Nhà nước đầu tư.
2. Phần phí bảo đảm hàng hải trích nộp ngân sách nhà nước thu được từ các luồng hàng hải chuyên dùng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

Chương II

CHẾ ĐỘ KÊ KHAI, THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ BẢO ĐẢM HÀNG HẢI

Điều 6. Mức thu phí bảo đảm hàng hải

Mức thu phí bảo đảm hàng hải thực hiện theo Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.

Điều 7. Kê khai, nộp phí bảo đảm hàng hải của tổ chức thu

1. Đối với số phí bảo đảm hàng hải thực hiện nộp ngân sách nhà nước, các cảng vụ hàng hải có trách nhiệm thực hiện kê khai, nộp tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

2. Đối với phí bảo đảm hàng hải được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư này, trong vòng 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo, các cảng vụ hàng hải có trách nhiệm xác định số tiền doanh nghiệp được hưởng của tháng trước và thực hiện chuyển tiền cho đơn vị. Nguồn thu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Khi nhận tiền, các doanh nghiệp thực hiện xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho các cảng vụ hàng hải, thực hiện việc kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định. Các cảng vụ hàng hải không thực hiện kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng.

Điều 8. Quản lý và sử dụng phí bảo đảm hàng hải

1. Các cảng vụ hàng hải khu vực thực hiện thu phí bảo đảm hàng hải tại luồng hàng hải công cộng do nhà nước đầu tư và được để lại tỷ lệ phần trăm (%)

trên tổng số tiền phí thu được để chi cho hoạt động thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Tỷ lệ để lại phí bảo đảm hàng hải cho các cảng vụ hàng hải được xác định theo phụ lục đính kèm.

Phí bảo đảm hàng hải thu được sau khi trừ số tiền phí để lại theo quy định, các cảng vụ hàng hải thực hiện kê khai, nộp vào ngân sách Trung ương và hạch toán vào tiểu mục và chương tương ứng.

2. Các cảng vụ hàng hải khu vực thực hiện thu phí bảo đảm hàng hải tại luồng hàng hải chuyên dùng do doanh nghiệp đầu tư, khai thác và được để lại 2% trên tổng số tiền thu phí để chi cho hoạt động thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Phí bảo đảm hàng hải thu được hàng năm tại luồng hàng hải chuyên dùng sau khi trừ số tiền phí để lại tại cảng vụ hàng hải được sử dụng như sau:

- a) Thực hiện trích 30% để nộp vào ngân sách nhà nước;
- b) Doanh nghiệp đầu tư, khai thác luồng hàng hải chuyên dùng được hưởng 70% số tiền để bù đắp chi phí đầu tư, khai thác và vận hành luồng hàng hải chuyên dùng đảm bảo chuẩn tắc theo quy định.

Chương III **LẬP, PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN THU** **PHÍ BẢO ĐẢM HÀNG HẢI**

Điều 9. Lập, phân bổ và giao dự toán thu phí bảo đảm hàng hải

1. Lập dự toán thu:

a) Hàng năm, căn cứ vào số kiểm tra dự toán thu phí bảo đảm hàng hải do Bộ Tài chính thông báo cho Bộ Giao thông vận tải; Bộ Giao thông vận tải thông báo cho Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Cục Hàng hải Việt Nam lập dự toán thu phí bảo đảm hàng hải gửi Bộ Giao thông vận tải xem xét, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải để gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Phân bổ và giao dự toán thu:

Căn cứ dự toán thu phí bảo đảm hàng hải hàng năm được cấp có thẩm quyền giao, trước ngày 31 tháng 12, Bộ Giao thông vận tải phân bổ và giao dự toán thu phí bảo đảm hàng hải cho các cảng vụ hàng hải; đồng thời gửi Bộ Tài chính, Cục Hàng hải Việt Nam và Kho bạc Nhà nước.

Điều 10. Tổng hợp, quyết toán nguồn thu phí bảo đảm hàng hải

Kết thúc năm tài chính, các cảng vụ hàng hải tổng hợp số thu, nộp phí bảo đảm hàng hải trong báo cáo quyết toán năm gửi Cục Hàng hải Việt Nam; Cục Hàng hải Việt Nam xét duyệt và tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để tổng